

Số: 23/QĐ-TQT

Gia Nghĩa, ngày 15 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025
Trường Tiểu học Trần Quốc Toản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH TRẦN QUỐC TOẢN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-GDDĐT ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng “Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục, hỗ trợ các trường học trực thuộc” của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa năm 2025 (Lần 2)

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Có biểu đính kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc trường Tiểu học Trần Quốc Toản thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hương

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Quốc Toản
Chương: 622



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-TQT ngày 15/6/2025 của trường TH Trần Quốc Toản)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 145 /QĐ-PGDĐT

Gia Nghĩa, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng “Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục, hỗ trợ các trường học trực thuộc” của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa năm 2025 (lần 2)

PHỤ LỤC 1

Kế hoạch sử dụng “Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục, hỗ trợ các trường học trực thuộc” của Phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2025 (lần 2)



ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
1	Kinh phí lương, phụ cấp và tính chất lương cho các trường học trực thuộc	129.440.000	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	4.650.000	
3	Kinh phí học bổng, chi phí học tập học sinh khuyết tật	16.848.000	
4	Hỗ trợ chi phí phá dỡ tài sản dãy nhà 03 phòng học cho trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	12.000.000	
	Tổng cộng	162.938.000	

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng./.

PHỤ LỤC 2

Giao dự toán thu, chi “Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục, hỗ trợ các trường học trực thuộc” của phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2025 (lần 2)

Đơn vị: Nghìn đồng.

STT	Đơn vị	Tổng số thu, chi phí, lệ phí và thu khác			Dự toán NSNN	
		Thu	Chi	Nộp NS	Tăng	Giảm
	Tổng dự toán				162.938	(162.938)
I	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo				162.938	(162.938)
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)				129.440	
1.1	Sự nghiệp mầm non (Loại 070 khoản 071)				95.801	
1.1.1	Trường Mầm non Hoa Anh Đào				63.039	
-	Kinh phí lương, phụ cấp và tính chất lương cho các trường học trực thuộc				63.039	
1.1.2	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương				32.762	
-	Kinh phí lương, phụ cấp và tính chất lương cho các trường học trực thuộc				32.762	
1.2	Sự nghiệp Trung học cơ sở (Loại 070 khoản 073)				33.639	
1.2.1	Trường THCS Phan Bội Châu				33.639	
-	Kinh phí lương, phụ cấp và tính chất lương cho các trường học trực thuộc				33.639	
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)				33.498	
2.1	Sự nghiệp Tiểu học (Loại 070 khoản 072)				16.650	
2.1.1	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân				4.650	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP				4.650	
2.1.2	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn				12.000	
-	Hỗ trợ chi phí phá dỡ tài sản dãy nhà 03 phòng học cho trường Tiểu học Trần Quốc Toàn				12.000	
2.2	Sự nghiệp Trung học cơ sở (Loại 070 khoản 073)				16.848	(162.938)
2.2.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố					(162.938)
-	Kinh phí tăng cường CSVC ngành giáo dục; hỗ trợ các trường học trực thuộc					(162.938)
2.2.2	Trường TH&THCS Phan Đình Giót				16.848	
	Kinh phí học bổng, chi phí học tập học sinh khuyết tật				16.848	

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng./.